

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2018
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh;
2. Bà Bùi Thu Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1286/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, trú tại: Thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971, trú tại: Thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống với nhau tại thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không hiểu nhau. Anh C thường xuyên chơi bời cờ bạc, uống rượu không chịu lao động phụ giúp vợ con,

anh C nhiều lần đánh chị; vợ chồng mâu thuẫn và được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, anh C không thay đổi cách sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân nhau nhiều năm hai bên không quan tâm đến nhau. Chị xét không còn tình cảm vợ chồng đối với anh C, chị và anh C lấy nhau không đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1997, hiện nay các con chị đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị tự thoả thuận với anh Nguyễn Văn C chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Nguyễn Văn C thể hiện: Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị T về thời gian chung sống và việc vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không hợp nhau, vợ chồng không có thông cảm chia sẻ với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị T không quan tâm đến gia đình chồng con và anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh không có bằng chứng nên anh thỉnh thoảng có uống rượu với bạn bè quá chén về nhà chị T hay cằn nhằn nói nhiều, anh tức giận có mắng chửi chị. Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau nhiều năm, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh C thống nhất vợ chồng có 02 con chung họ, tên, tuổi như chị T trình bày, hiện các con của anh và chị T đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh C nhất trí tự thoả thuận với chị T, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn C không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2016 đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng; về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung Nguyễn Thị K, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1997, hiện nay đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

[2]. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 tại thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng sống không tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sống ly thân nhau nhiều năm, hai bên không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M xét thấy chị T và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1997, hiện

nay các con chị đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002702 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

